

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Kiều Duy Thịnh**; Ông **Nguyễn Văn Thắng**.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Tòa án;
- *Đại diện Viện KSND huyện Q tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thúy H**, sinh năm 1993;

HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện Q, TP. Hà Nội.

Hiện ở: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm 1983;

Quê quán và nơi cư trú cuối cùng: Đội 4, xóm 2, thôn D, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Chị H có mặt tại phiên tòa; Còn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Bùi Thúy H** trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Quang Đ kết hôn ngày 27/12/2014. Trước khi cưới hai bên tìm hiểu nhau khoảng 2, 3 tháng và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Khi tìm hiểu tôi làm giáo viên mầm non tại xã Đ; Còn anh Đ làm công nhân Quốc phòng nhà máy Z119 thị trấn X, huyện C. Cưới xong vợ chồng tôi chung sống với nhau luôn tại KTT nhà máy Z119. Vợ chồng đã sửa chữa nhà tập thể và ở đó cho khang trang và thuận lợi cho hai bên công tác.

Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian vợ chồng tìm hiểu ngắn nên chưa hiểu nhau. Khi về sống chung một nhà chúng tôi mới phát hiện ra tính tình vợ chồng không hợp; không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa thuận được. Vợ chồng tôi ít khi nói chuyện với nhau; Anh Đ thường xuyên rượu chè, còn có chơi cờ bạc hay không tôi không rõ nhưng tôi thấy nhiều lần báo nợ đến cơ quan và về nhà chồng ở quê. Anh Đ vẫn phải là người phải trả nợ do tôi lương thấp và còn phải nuôi con. Tôi đã khuyên can anh Đ nhiều lần nhưng anh không sửa chữa vẫn rượu chè bê tha. Đến tháng 6 năm 2018 vợ chồng ly thân. Tôi mang con về sống với bố mẹ đẻ. Còn anh Đ ở lại nhà máy Z 119 sống tại KTT. Ban đầu anh Đ thỉnh thoảng về thăm con nhưng không đóng góp gì. Tôi phải nuôi con một mình.

Xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu; tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ ra quân nhưng cũng không nói gì với tôi cũng không thăm nom và chu cấp cho con cái.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đã làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Do thấy Tòa vẫn chưa giải quyết đơn xin ly hôn của tôi, nên tôi đến hỏi mới biết thông tin anh Đ không còn ở địa phương nữa. Tôi đã đến nhà chồng và hàng xóm láng giềng xung quanh hỏi thăm thông tin về anh Đ nhưng không ai biết anh Đ ở đâu, đi đâu và làm gì. Khoảng từ năm 2021 sau khi ra quân, anh Đ không liên lạc với ai nên từ gia đình, bạn bè, hàng xóm láng giềng đều không biết thông tin gì về anh Đ cả. Tôi đã đăng Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú ở Báo Công Lý 03 số báo liên tiếp là 101, 102, 103 ra ngày 20, 22, 27/12/2023 để anh Đ về giải quyết ly hôn nhưng đến nay anh Đ vẫn không về. Thời gian gần đây anh Đ lại gọi cho tôi từ số máy 0949527307 nói với tôi rằng hiện nay anh vẫn đang làm ở Hà Nội nhưng không nói rõ ở chỗ nào nói rằng đồng ý ly hôn nhưng chưa về được. Tôi có nói với anh Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng anh không về giải quyết ly hôn thì tòa xử vắng mặt. Anh nói rằng em cứ giải quyết anh cũng đồng ý ly hôn nhưng nay chưa về được.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 26/01/2016. Hiện cháu T đang ở với tôi. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Đ đóng góp nuôi con.

Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay tôi đang làm giáo viên mầm non, lương mỗi tháng 6 triệu đồng; Ngoài ra tôi còn có thu nhập khác trung bình mỗi tháng được khoảng 2 triệu đồng nên tôi đủ khả năng kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Quang Đ nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và tại gia đình anh Đ nhưng không ai biết anh Đ ở đâu, làm gì kể từ tháng 12/2023 cho đến nay.*

** Bà Nguyễn Thị X - mẹ đẻ anh Nguyễn Quang Đ trình bày:*

Tôi tổ chức cưới cho anh Đ và chị H vào năm 2014. Cưới xong vợ chồng anh Đ chuyển đến khu tập thể Z119 ở X sống. Đến khi chị H sinh con vào tháng 01/2016 thì vợ chồng chuyển về gia đình tôi ở được khoảng 06 tháng (thời gian nghỉ thai sản của chị H) thì vợ chồng anh Đ lại chuyển về nhà máy Z119 ở. Quá trình công tác, do anh Đ chơi bời, tự ý bán cả nhà đất của gia đình tôi, tôi phải vào đơn vị báo cáo với đơn vị về việc anh Đ tự ý bán nhà của gia đình tôi cho một người ở X. Đến tháng 6/2022 thì đơn vị cho anh Đ ra quân. Anh Đ đã thuê ô tô chở đồ đạc, ti vi, tủ lạnh về nhà tôi ở được 03 ngày thì bỏ đi. Anh Đ đi đâu, làm gì gia đình tôi cũng không biết. Anh Đ khóa số điện thoại, không ai liên lạc với anh Đ được. Gia đình tôi cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của anh Đ. Trước khi đi, anh Đ có để lại một tờ giấy với nội dung là xin lỗi gia đình và đi làm lại cuộc đời. Đầu năm 2024 gia đình tôi cũng đã tổ chức mừng thọ cho ông Nguyễn Quang Bình 70 tuổi (bố anh Đ) và có nhắn tin trên mạng xã hội để cho anh Đ biết nhưng anh Đ cũng không về. Từ khi ra quân cho đến nay, gia đình không có tin tức gì về anh Đ, chị H cũng không biết anh Đ ở đâu.

Khi gia đình mừng thọ cho ông B, chị H cũng không về. Thời gian gần đây anh Đ thỉnh thoảng có điện cho tôi hỏi thăm sức khỏe và tình hình ở nhà. Tôi có thông báo cho anh Đ biết Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ để giải quyết ly hôn với cô Hạnh nhưng anh Đ nói đang làm ở Hà Nội không về được. Khi nào thành công giàu có thì anh về. Tôi có hỏi anh Đ làm ở đâu thì anh chỉ nói làm ở Hà Nội và không cho tôi biết địa chỉ. Theo tôi thấy tình cảm vợ chồng anh Đ chị H không còn, vợ chồng ly thân đã lâu nên nay chị H làm đơn xin ly hôn anh Đ, tôi đề nghị Tòa án

căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Anh Đ và chị H có 01 con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 26/1/2016. Hiện nay cháu T đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, tôi thấy chị H đang nuôi dưỡng rất tốt, cuộc sống của cháu đang ổn định nên tôi thấy nguyện vọng của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

Anh Đ và chị H không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh Đ và được quyền nuôi con chung.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn cố tình giấu địa chỉ, không đến Tòa làm việc mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thúy H và anh Nguyễn Quang Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014 tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách đã lâu (ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay), chị H và anh Đ không ai còn hỏi han, quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị H xin ly hôn anh Đ để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 26/1/2016. Hiện cháu T đang sống cùng chị H, còn anh Đ ở đâu không rõ nên

đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

+ Về tài sản chung, công sức: Do chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang Đ có quê quán và nơi cư trú cuối cùng tại thôn D, xã Đ, huyện Q, TP. Hà Nội nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Q.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn nhưng do bị đơn vắng mặt tại địa phương, qua xác minh không ai biết hiện nay bị đơn ở đâu, làm gì. Thịnh thoảng có điện về cho chị H và mẹ đẻ là bà Xuân nhưng không nói cho biết hiện nay ở đâu nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai, không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn, mẹ đẻ của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án, HĐXX có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018, không ai còn quan tâm đến ai.

Đến tháng 06/2022 anh Đ ra quân về nhà được 03 ngày thì đi luôn cho đến nay không thông báo cho gia đình biết đi đâu và làm gì. Từ đó gia đình mất liên lạc với anh Đ, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả. Chị H đã đăng Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú ở Báo Công Lý 03 số báo liên tiếp là

101, 102, 103 ra ngày 20, 22, 27/12/2023 nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của anh Đ.

HĐXX xét thấy, do anh Đ bỏ đi đã lâu mà không có tin tức gì chứng tỏ anh Đ chưa thực sự quan tâm và mưu cầu hạnh phúc gia đình. Ngoài ra anh Đ và chị H đã từng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 13/6/2018 và đến Tòa nộp đơn ngày 27/7/2020 nên chứng tỏ cả hai cũng đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Nay chị H thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài nên chị đã làm đơn xin ly hôn anh Đ. Vì vậy theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Đ của chị H là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 26/1/2016. Hiện nay cháu T đang sống cùng chị H. Kể từ khi vợ chồng ly thân (tháng 6/2018) cho đến nay anh Đ không chu cấp hay hỏi han gì tới con chung. Nay anh Đ ở đâu không rõ, chị H nuôi con tốt, cuộc sống của con đang được ổn định nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị H để đảm bảo cuộc sống cho con chung cũng như phù hợp với tình hình thực tế của các bên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thúy H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thúy H đối với và Nguyễn Quang Đ.

1. Về hôn nhân: Xử: Chị **Bùi Thúy H** ly hôn anh **Nguyễn Quang Đ.**

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 26/1/2016.

Giao chị H quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công sức chung:

Do chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí:

Chị Bùi Thúy H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019877 ngày 02/2/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

7. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh

